

BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM:

NHỮNG XU HƯỚNG VÀ BÀI HỌC
RÚT RA TỪ ĐIỀU TRA QUỐC GIA VỀ
BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM
NĂM 2019

Bạo lực đối với phụ nữ là một vấn đề toàn cầu. Xóa bỏ bạo lực là ưu tiên chính của các quốc gia trên thế giới nhằm hướng tới bình đẳng giới. Nghiên cứu cho thấy rằng hầu hết bạo lực đối với phụ nữ là do chồng hoặc người mà họ biết gây ra. Hầu hết các vụ việc bạo lực thường không được trình báo cho các cơ quan chức năng. Bất bình đẳng giới vừa là nguyên nhân cơ bản vừa là hậu quả của bạo lực đối với phụ nữ.

Điều tra quốc gia lần thứ hai đo lường về mức độ phổ biến của bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam được thực hiện năm 2019, cung cấp những số liệu có thể so sánh với Điều tra lần thứ nhất được thực hiện năm 2010, đồng thời đưa ra bằng chứng để kêu gọi tiếp tục hành động.

Những phát hiện chính của Điều tra này cung cấp thông tin cho các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức xã hội, các cơ quan Liên hợp quốc và các nhà tài trợ nhằm xác định và phát triển các chương trình về phòng ngừa và ứng phó bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam một cách hiệu quả.

ĐIỀU TRA

Điều tra năm 2019 bao gồm ba phần: nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính và nghiên cứu về thiệt hại kinh tế do bạo lực đối với phụ nữ gây ra.

Cấu phần nghiên cứu định lượng (khảo sát) được Tổng cục Thống kê thực hiện theo đề nghị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Khảo sát đã sử dụng bộ bảng hỏi và phương pháp được xây dựng cho Điều tra đa quốc gia của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) về sức khỏe phụ nữ và bạo lực gia đình đối với phụ nữ (được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh của Việt Nam).

Cấu phần này bao gồm khảo sát hộ gia đình ở tất cả 06 vùng miền của Việt Nam. Thiết kế mẫu đa tầng được sử dụng để chọn mẫu với 6.000 hộ gia đình. Tổng số có 5.976 phụ nữ ở độ tuổi từ 15 đến 64 được phỏng vấn trực tiếp trong không gian riêng, do các nữ điều tra viên được tập huấn bài bản thực hiện.

Cấu phần nghiên cứu định tính được Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHPS) thực hiện. Có 269 người được phỏng vấn, gồm cả phụ nữ khuyết tật và phụ nữ dân tộc thiểu số và 11 người cung cấp thông tin chính. Thông tin từ phỏng vấn được sử dụng để bổ trợ cho các dữ liệu định lượng.

Cấu phần về **thiệt hại kinh tế do bạo lực đối với phụ nữ** gây ra được các chuyên gia quốc tế thực hiện theo sự ủy thác của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA).

Văn phòng UNFPA tại Việt Nam điều phối thực hiện ba cấu phần của Điều tra này với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của Bộ Ngoại giao và Thương mại Ôt-xtrây-li-a (DFAT) và UNFPA cùng với Sáng kiến kNOwVAWdata của UNFPA khu vực.

NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH

Năm 2019, ở Việt Nam, cứ ba phụ nữ thì có hai phụ nữ (63%) bị một hoặc hơn một loại hình bạo lực do chồng¹ gây ra trong đời và 32% bị bạo lực hiện thời (trong 12 tháng qua), đó là: bạo lực thể xác, bạo lực tình dục, bạo lực tâm lý (gồm bạo lực tinh thần và kiểm soát hành vi) và bạo lực kinh tế.

Cứ ba phụ nữ thì có một phụ nữ (32%) bị chồng bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục trong đời và cứ mười phụ nữ thì có một phụ nữ bị chồng bạo lực trong 12 tháng qua. Những phụ nữ trẻ hơn, ở độ tuổi từ 20 đến 44, có nguy cơ bị bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục trong 12 tháng qua nhiều hơn phụ nữ ở nhóm tuổi khác. Phụ nữ có nguy cơ bị chồng bạo lực nhiều hơn so với việc bị người khác bạo lực.

Phát hiện này cho thấy bạo lực do chồng gây ra là phổ biến, có xu hướng bắt đầu từ sớm và kéo dài trong suốt cuộc đời của người phụ nữ. Bắt đầu từ tuổi vị thành niên (tuổi từ 15 đến 19), có 8% phụ nữ/trẻ em gái từng bị chồng hoặc bạn trai bạo lực về thể xác và/hoặc tình dục. Phụ nữ ở tuổi nuôi con nhỏ (từ 20 đến 44) có tỷ lệ bị bạo lực hiện thời cao nhất về thể xác và/hoặc tình dục (trong 12 tháng qua). Kết quả Điều tra cho thấy có sự liên quan đáng kể giữa bạo lực với sức khỏe và đời sống của cả phụ nữ và con cái họ. Phụ nữ có nguy cơ bị bạo lực trong thời kỳ mang thai, có thể gây nguy hại cho thai nhi, còn trẻ em sống trong gia đình bạo lực thường phải chứng kiến cảnh bạo lực và bản thân có nguy cơ bị thương tích.

Nhìn chung, phụ nữ có nguy cơ bị bạo lực do chồng nhiều hơn do người khác gây ra. Có thể so sánh, cứ mười phụ nữ thì có một phụ nữ bị bạo lực thể xác do người khác mà không phải là chồng họ. Người khác ở đây thường là các thành viên nam trong gia đình.

Các chính sách và chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ cần đưa ra nhiều lựa chọn cho phụ nữ trong suốt cuộc đời họ.

¹ Cụm từ “chồng” hoặc “từng kết hôn” bao gồm tình trạng hiện đang có chồng hoặc từng có chồng hoặc bạn tình mà người phụ nữ sống chung nhưng không kết hôn. Gần như tất cả (97%) phụ nữ trong Điều tra này đang hoặc từng có chồng/bạn tình đều đã từng kết hôn.

Ngoại trừ bạo lực tình dục, tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ gây ra bởi người chồng năm 2019 thấp hơn so với năm 2010, điều này đặc biệt đúng với nhóm phụ nữ trẻ tuổi hơn.

Tỷ lệ bạo lực thể xác và bạo lực tinh thần cũng như tỷ lệ kiểm soát hành vi trong đời và trong 12 tháng qua trong Điều tra năm 2019 thấp hơn so với Điều tra năm 2010. Tỷ lệ bạo lực thể xác trong đời và 12 tháng qua trong Điều tra 2019 thấp hơn so với Điều tra 2010 ở hầu hết các nhóm tuổi, đặc biệt thấp hơn hẳn ở nhóm phụ nữ dưới 40. Sự chênh lệch này cho thấy nhóm phụ nữ trẻ hiện nay ít bị chồng bạo lực thể xác hơn so với nhóm phụ nữ cùng lứa tuổi ở năm 2010.

Mặt khác, cần lưu ý rằng tỷ lệ phụ nữ bị chồng bạo lực tình dục trong đời năm 2019 (13%) cao hơn so với năm 2010 (10%), còn tỷ lệ bị bạo lực tình dục trong 12 tháng qua gần như nhau giữa hai kỳ Điều tra. Những phát hiện về bạo lực tình dục khá rõ rệt bởi nó tương phản với những kết quả điều tra ở các hình thức bạo lực khác. Lý do gia tăng của bạo lực tình dục do chồng chưa được biết đến và cần được tiếp tục nghiên cứu và phân tích. Ngoài việc bạo lực tình dục có thể tăng lên trong thực tế, song cũng có thể là do hiện nay nhiều người có nhận thức và hiểu biết về loại hình bạo lực này hơn, dẫn đến việc phụ nữ sẵn sàng chia sẻ việc họ bị bạo lực tình dục. Đây có thể là một tác động tích cực của Điều tra năm 2010 khi vấn đề bạo lực tình dục lần đầu tiên được thảo luận công khai tại cả cấp quốc gia và địa phương.

Thay đổi cần thời gian. Hành động kiên trì và có điều phối liên ngành là cần thiết để cải thiện tình hình trong tương lai.

Phụ nữ khuyết tật bị bạo lực do chồng gây ra (bạo lực thể xác, tình dục, tinh thần, kinh tế và kiểm soát hành vi) cao hơn so với phụ nữ không khuyết tật.

Phụ nữ bị bạo lực thường bị cô lập và bị tách khỏi cộng đồng. Khuyết tật chức năng có thể là nguyên nhân gây ra sự cô lập này và làm cho phụ nữ có nguy cơ gặp nguy hiểm nhiều hơn.

Trong Điều tra này, tỷ lệ bạo lực do chồng gây ra trong đời và trong 12 tháng qua, ở tất cả các hình thức bạo lực, đối với phụ nữ khuyết tật đều cao hơn so với phụ nữ không khuyết tật. Kết quả Điều tra cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa tình trạng khuyết tật và bạo lực do chồng gây ra, tuy nhiên không thể kết luận rằng bạo lực là nguyên nhân dẫn đến khuyết tật hoặc phụ nữ khuyết tật là mục tiêu bị tấn công do tình trạng khuyết tật của họ. Vấn đề có thể đưa ra ở đây là cần có các biện pháp ứng phó và hỗ trợ đặc biệt cho phụ nữ khuyết tật bị bạo lực để có thể đáp ứng được những nhu cầu đặc biệt của họ.

Quan niệm và thái độ làm tăng thêm tình trạng bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới vẫn tồn tại trong Điều tra năm 2019. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về cách phụ nữ phản ứng theo từng nhóm tuổi, có thể thấy chỉ có ít phụ nữ ở nhóm trẻ tuổi ở năm 2019 có quan niệm làm tăng thêm bất bình đẳng so với năm 2010. Điều này cho thấy có sự chuyển biến tích cực về bình đẳng giới ở nhóm phụ nữ trẻ so với nhóm phụ nữ lớn tuổi.

Phân tích của Điều tra năm 2019 xác định 17 yếu tố liên quan tới việc phụ nữ bị bạo lực trong 12 tháng trước khi phỏng vấn (so với 15 yếu tố xác định ở Điều tra 2010). Trong cả hai Điều tra năm 2010 và năm 2019, đặc điểm hành vi của người chồng (như sử dụng rượu, đánh lộn với những người đàn ông khác và ngoại tình) có mối liên hệ chặt chẽ nhất với bạo lực do chồng gây ra.

Các chuẩn mực giới có hại được củng cố bởi thái độ và quan niệm bất bình đẳng giới như việc coi nam giới là người có vai trò ra quyết định tốt hơn so với phụ nữ. Những quan niệm này dẫn đến việc nam giới có nhiều quyền lực và kiểm soát hơn so với phụ nữ, làm tăng tình trạng bất bình đẳng giới và làm cho phụ nữ dễ bị bạo lực hơn khi nam giới muốn kiểm soát hoặc cảm thấy họ không kiểm soát được người phụ nữ.

Thái độ, quan niệm gắn với văn hóa và trẻ em có thể được xã hội định hình để tin vào những quan niệm này từ lúc còn nhỏ. Trẻ em sẽ cho rằng những quan niệm đó là bình thường ở trong xã hội mà các em lớn lên và vô thức tin vào điều đó.

Hơn một phần ba phụ nữ ở Việt Nam (36%) ủng hộ việc “nam giới là người ra quyết định và là chủ gia đình” và 27% tin rằng “một người vợ tốt là phải biết nghe lời chồng, kể cả khi bản thân không đồng ý”.

Phụ nữ ở khu vực nông thôn đồng tình với quan điểm này nhiều hơn so với phụ nữ ở thành thị, cũng như phụ nữ có trình độ học vấn thấp hoặc không đi học tin vào điều này nhiều hơn. Mối liên quan giữa thái độ và trình độ học vấn cho thấy những quan điểm có hại có thể được giảm thiểu khi trình độ học vấn tăng lên.

So sánh kết quả Điều tra giữa năm 2010 và năm 2019, sự khác nhau về quan điểm của phụ nữ cho thấy có sự chuyển đổi mạnh mẽ và nhất quán giữa các thế hệ. Mặc dù tỷ lệ chung phụ nữ đồng ý rằng người vợ nên nghe lời người chồng không thay đổi nhiều so với năm 2010, nhưng khi phân tích dữ liệu giữa các nhóm tuổi thì thấy những phụ nữ trẻ tuổi có quan điểm tích cực về bình đẳng giới so với phụ nữ lớn tuổi hơn.

Tác động của bạo lực đối với phụ nữ thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Bạo lực có thể tác

động tới sức khỏe, con cái và cuộc sống hàng ngày của phụ nữ. Phụ nữ có thể bị chấn thương thể xác, bị tác động tiêu cực tới sức khỏe tâm thần và khả năng kiếm thu nhập của họ.

Phụ nữ không bị chồng bạo lực trong đời cho biết họ có “sức khỏe tốt hoặc rất tốt” (42%) so với phụ nữ từng bị chồng bạo lực (31%). Phụ nữ bị chồng bạo lực cho biết họ bị các bệnh liên quan tới sức khỏe tâm thần cao gấp ba lần (7%) so với phụ nữ không bị chồng bạo lực (2%).

Phụ nữ bị chồng bạo lực cũng bị ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục, có nguy cơ bị sẩy thai, thai chết lưu và nạo phá thai cao hơn so với phụ nữ không bị chồng bạo lực. Phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác và/hoặc tình dục cũng phải chịu những tổn thất về tài chính.

Việc chứng kiến bạo lực khi còn nhỏ cũng là một yếu tố nguy cơ đối với trẻ em gái có thể trở thành nạn nhân bị chồng bạo lực và trẻ em trai dễ trở thành người gây bạo lực khi trưởng thành.

Hơn một nửa số phụ nữ (60%) từng bị chồng bạo lực thể xác cho biết con cái họ phải chứng kiến hoặc tình cờ nghe thấy bạo lực. Trẻ lớn lên trong gia đình có bạo lực thường có những bất ổn về hành vi và cảm xúc.

Sống chung với bạo lực gây ảnh hưởng liên thế hệ tới con cái. **Nam giới từng chứng kiến bạo lực khi còn nhỏ thường có nguy cơ trở thành người gây bạo lực.** Điều này thường gặp ở nam giới từng bị bạo lực và/hoặc chứng kiến bạo lực của cha mẹ khi còn nhỏ. Những phát hiện này tương tự như Điều tra năm 2010.

Thiệt hại kinh tế do bạo lực gây ra khá lớn khi phụ nữ phải chi khoảng một phần tư thu nhập hàng năm của mình cho chi phí chăm sóc sức khỏe và/hoặc thay thế đồ đạc bị phá hủy/hư hỏng. Tổng thiệt hại năng suất lao động quốc gia tương đương với gần 1,8% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2018.

Phụ nữ bị chồng bạo lực cũng phải chịu tổn thất đáng kể về tài chính. Bạo lực thường làm phát sinh những chi phí như chăm sóc y tế, sửa chữa/thay thế đồ đạc bị hỏng, chi phí phải đi tìm nơi ở khác phải bỏ nhà đi. Trung bình, phụ nữ từng bị chồng bạo lực thể xác và/hoặc tình dục mất khoảng 26% thu nhập hàng năm cho những chi phí liên quan tới bạo lực.

Bạo lực gây ảnh hưởng suốt đời người phụ nữ và tác động của bạo lực phản ánh trong mức thu nhập của họ. Những phụ nữ bị chồng bạo lực thường giảm năng suất lao động tại nơi làm việc do khả năng tập trung kém hoặc bị ngắt quãng (nghỉ làm vì bị ốm hoặc bị thương tích, mất tự tin và người chồng làm gián đoạn công việc). Mất năng suất lao động, cộng thêm việc phải nghỉ làm vì bạo lực do chồng gây ra,

có thể dẫn đến giảm thu nhập trung bình hàng năm tới 31% của phụ nữ bị bạo lực so với những phụ nữ không bị bạo lực.

Nếu xem xét những thiệt hại hữu hình (chi phí trực tiếp và chi phí do bỏ lỡ công việc) và những thiệt hại vô hình (mất năng suất lao động), thì tổng thiệt hại của nền kinh tế lên tới 1,8% GDP. Tổn thất năng suất lao động, thường không nhìn thấy ngay, lại chiếm phần lớn nhất trong tổng thiệt hại. Bạo lực do chồng gây ra có tác động bất lợi cho kinh tế của Việt Nam, đời sống kinh tế của phụ nữ và gia đình họ. Đối với Chính phủ, ước tính thiệt hại này cho thấy quy mô tài khóa có thể có được nếu tỷ lệ bạo lực do chồng gây ra giảm đi thông qua việc thực hiện một loạt biện pháp can thiệp toàn diện về phòng chống bạo lực.

Sự nhất quán về kết quả giữa hai Điều tra năm 2010 và năm 2019 cho thấy mức độ chắc chắn của Điều tra². Đây là cơ sở bằng chứng có giá trị để Việt Nam có thể hoạch định chính sách và xây dựng chương trình trong tương lai. Kết quả điều tra có thể được sử dụng với độ tin cậy cao.

Kết quả điều tra ở Việt Nam thể hiện chi tiết về tỷ lệ phổ biến của tất cả các dạng bạo lực do chồng gây ra, ngoại trừ bạo lực tình dục, trong Điều tra năm 2019 đều thấp hơn so với năm 2010. Bạo lực tình dục trong đời do chồng gây ra có tỷ lệ tăng từ 9,9% năm 2010 lên 13,3% năm 2019 và tỷ lệ này của bạo lực tình dục hiện thời (trong 12 tháng qua) là từ 4,2% lên 5,7%. Tương tự như vậy, bạo lực thể xác do người khác gây ra tăng từ 9,9% năm 2010 lên 11,4% năm 2019 và bạo lực tình dục tăng từ 2,3% năm 2010 lên 9% năm 2019. Ngoài ra, tỷ lệ phụ nữ bị xâm hại tình dục khi còn nhỏ (dưới 15 tuổi) cũng tăng từ 2,8% năm 2010 lên 4,4% năm 2019.

Xem xét vượt ra ngoài tỷ lệ trung bình quốc gia sẽ thấy có những khác biệt đáng phải lưu tâm. Đặc biệt, năm 2019, nhóm phụ nữ trẻ bị chồng bạo lực tương đối ít hơn nhóm phụ nữ lớn tuổi, cho thấy sự thay đổi đang diễn ra theo chiều hướng tích cực. Đồng thời, một xu hướng khác được ghi nhận ở hình thức bạo lực tình dục là tỷ lệ phụ nữ trẻ bị dạng bạo lực này lại khá cao. Mặc dù cần phải tiếp tục nghiên cứu và phân tích, nhưng có thể hiểu rằng đây là một dấu

² Như Điều tra năm 2010, Điều tra 2019 ở Việt nam đã sử dụng phương pháp nghiên cứu đã được thẩm định của Tổ chức Y tế thế giới. Phương pháp này đã được sử dụng ở các nền văn hóa khác nhau trong gần hai thập kỷ qua. Tuy nhiên, kết quả Điều tra chỉ phản ánh được những gì mà phụ nữ sẵn sàng chia sẻ với các điều tra viên (những người được tập huấn để sử dụng phương pháp giúp phụ nữ cảm thấy thoải mái, được phỏng vấn trong không gian riêng tư, được bảo đảm an toàn để họ cởi mở hơn khi chia sẻ), nhưng kết quả Điều tra không đại diện cho nhóm phụ nữ bị tổn thương nhất, những người có thể đang ở các cơ sở điều dưỡng, hoặc bị ngăn cản trả lời. Do đó tỷ lệ bạo lực trên cơ sở giới trên toàn quốc sẽ không được ước tính đầy đủ.

hiệu cho thấy xã hội đã cởi mở hơn khi nói về tình dục và bạo lực tình dục so với năm 2010.

Để có thể xác định xu thế thực sự, cần có chuỗi số liệu thời gian ít nhất ở 03 thời điểm. Với Điều tra lần thứ hai này, chúng ta có 02 thời điểm dữ liệu có thể có một số so sánh, tuy nhiên vẫn còn những yếu tố hạn chế và cảnh báo cần phải được cân nhắc cẩn thận khi diễn giải những thay đổi giữa năm 2010 và 2019.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VÀ CHƯƠNG TRÌNH

Các khuyến nghị và gợi ý chính sách được các cơ quan liên quan ở Việt Nam phối hợp xây dựng. Các chuyên gia của Bộ LĐTBXH và các cơ quan liên quan hướng dẫn nhóm nghiên cứu xây dựng một tài liệu toàn diện về các hành động được khuyến nghị. Các khuyến nghị này được đưa ra trên cơ sở bằng chứng từ kết quả của Điều tra, những khuyến nghị của Điều tra năm 2010 và tương thích với những ưu tiên quốc gia và thực trạng bạo lực đối với phụ nữ tại Việt Nam hiện nay.

✓ Tăng cường cam kết và hành động quốc gia

Chính phủ Việt Nam được ghi nhận có thành tựu đáng kể trong hoạch định chính sách và luật pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới, tăng quyền năng cho phụ nữ và chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ. Việt Nam cũng là một trong những quốc gia đầu tiên phê chuẩn Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW), là quốc gia ký kết nhiều hiệp ước nhân quyền quốc tế và hiện đang nỗ lực thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững, trong đó có Mục tiêu số 5, “Thực hiện bình đẳng giới và tăng quyền năng cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái”. Bình đẳng giới (BDG) được quy định trong Hiến pháp, Luật Bình đẳng giới và trong các chính sách, pháp luật liên quan khác. Bạo lực trên cơ sở giới là một vấn đề được ưu tiên giải quyết trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.

Cả hai báo cáo năm 2010 và 2019 đều đưa ra ước tính thiệt hại kinh tế đáng kể do bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ, hộ gia đình, cộng đồng và nền kinh tế nói chung. Lấy lại năng suất lao động bị mất cho nền kinh tế bằng việc xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới là việc rất quan trọng – tương đương gần 1,8% GDP năm 2018. Trên thực tế, các khoản chi phí trực tiếp và tổn thất thu nhập mà người phụ nữ phải chịu do bạo lực gây ra đã xấp xỉ 10.267 tỷ đồng năm 2018, tương đương với 0,68% chi phí ngân sách của Chính phủ năm 2018. Để giảm thiểu tác động này, Chính phủ nên ưu tiên phân bổ ngân sách cho công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

Đây cũng là thời điểm cần tiếp tục rà soát, giám sát và đánh giá việc thực hiện chính sách quốc gia để bảo

đảm tính hiệu quả và bao quát được các nhóm dễ bị tổn thương nhất như người cao tuổi, phụ nữ khuyết tật, người di cư và dân tộc thiểu số. Lòng ghép vấn đề này vào Chiến lược là nhằm đảm bảo nguồn lực được phân bổ đầy đủ để triển khai các biện pháp can thiệp, ứng phó và phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới hiệu quả. Cần có phương pháp tiếp cận tập trung và có điều phối liên ngành để tránh tình trạng chồng chéo trong các hoạt động và các thông điệp không nhất quán.

✓ **Tăng cường phòng ngừa bạo lực (phòng ngừa sớm trước khi bạo lực xảy ra cũng như chấm dứt bạo lực)**

Để phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ cần phải có sự thay đổi thái độ, quan niệm, chuẩn mực, khuôn mẫu và các giá trị giới về nam giới, phụ nữ và thanh niên, bao gồm cả trẻ em. Nâng cao nhận thức và hiểu biết của người dân về bạo lực trên cơ sở giới là việc hết sức quan trọng để hỗ trợ thực hiện các chính sách và chương trình. Các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng có thể hiệu quả trong việc phổ biến rộng rãi các thông điệp về mối liên quan giữa bạo lực trên cơ sở giới và bình đẳng giới, những hậu quả bạo lực nếu không được giảm thiểu và ngăn chặn. Do nhiều chiến dịch truyền thông đã được khởi xướng kể từ sau Điều tra năm 2010, nên lúc này cần rà soát và đánh giá tác động và hiệu quả của những chiến dịch truyền thông đó làm cơ sở cho việc xây dựng các hoạt động nâng cao nhận thức trong tương lai. Cũng cần thận trọng giám sát và đánh giá tất cả các sáng kiến đang được tiến hành. Lưu ý rằng để thay đổi hành vi đòi hỏi phải đầu tư lâu dài và có những thông điệp nhất quán thì mới đạt được thành công.

Cần tăng cường sự tham gia của nam giới và trẻ em trai trong các hoạt động phòng ngừa bạo lực. Nam giới có thể là các tác nhân đồng đẳng của sự thay đổi và giúp những nam giới khác hiểu được tác động của bạo lực đối với gia đình và người thân cũng như cuộc sống và hạnh phúc của chính họ. Đầu tư cho các can thiệp đối với người bàng quang với bạo lực và các chương trình nhắm tới người gây ra bạo lực sẽ rất hữu ích để có biện pháp can thiệp buộc người gây bạo lực phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Việc thay đổi cần bắt đầu bằng việc tăng quyền năng cho phụ nữ để họ có thể tìm kiếm sự giúp đỡ nhằm ứng phó với bạo lực trong đời cũng như tăng khả năng tiếp cận với giáo dục, cơ hội việc làm, trợ giúp pháp lý và tài chính. Để có những thay đổi liên thế hệ nhằm phòng ngừa bạo lực, cần bắt đầu từ các chương trình ở nhà trường, giáo dục trẻ em biết xây dựng các mối quan hệ dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau và hiểu biết về bạo lực trên cơ sở giới, các chương trình hướng dẫn cha mẹ để giáo dục con cái về an

toàn cơ thể và tinh thần “không giấu giếm” có thể giúp phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em. Đầu tư cho các chiến dịch truyền thông đại chúng để nâng cao nhận thức về không chấp nhận bạo lực trên cơ sở giới, bao gồm lạm dụng tình dục trẻ em, chuyển đổi từ việc đổ lỗi cho nạn nhân sang lên án người gây bạo lực.

✓ **Xây dựng và triển khai các giải pháp ứng phó và can thiệp phù hợp, hiệu quả và chất lượng cao**

Báo cáo Điều tra cho thấy mặc dù Việt Nam đã thực hiện nhiều chiến dịch truyền thông trong suốt một thập kỷ qua, nhưng phụ nữ vẫn im lặng về tình trạng bị bạo lực của mình. Phụ nữ hiếm khi tìm kiếm sự giúp đỡ vì nhiều lý do khác nhau, bao gồm sự kỳ thị, các chuẩn mực xã hội về việc cần giữ hòa khí gia đình, thiếu hiểu biết về các dịch vụ và mạng lưới hỗ trợ. Phụ nữ thường chần chừ tìm kiếm sự giúp đỡ cho đến khi họ cảm thấy không thể chịu đựng bạo lực hơn được nữa, hay khi thấy bản thân hoặc con cái mình đang gặp nguy hiểm cận kề.

Cho đến nay, Việt Nam đã có kinh nghiệm phong phú với nhiều mô hình can thiệp khác nhau, bao gồm các dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới và nạn nhân mua bán người. Đó là các trung tâm bảo trợ xã hội, nhà tạm lánh và nhà an toàn, phòng tư vấn ở trường học và bệnh viện, đường dây nóng hỗ trợ qua điện thoại. Thực hiện hòa giải (theo Luật Hòa giải cơ sở năm 2013) và trợ giúp pháp lý miễn phí cũng là những nguồn lực tích cực. Đây là thời điểm phù hợp để rà soát, đánh giá các mô hình này, bao gồm rà soát cả các đối tượng đã tiếp cận hoặc chưa tiếp cận với mô hình, rào cản đối với việc tiếp cận, hiệu quả và tác động và những hậu quả không mong muốn. Việc rà soát các biện pháp can thiệp là cơ hội rút kinh nghiệm để có thể định hướng trong tương lai.

Đảm bảo việc phân bổ nguồn lực đầy đủ và bền vững được đưa vào nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện hiệu quả và đánh giá các biện pháp can thiệp nhằm phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới, giảm thiểu tác động của bạo lực đối với phụ nữ và đẩy mạnh truy tố nghiêm khắc để cảnh báo rằng sẽ không miễn hình phạt đối với người gây ra bạo lực trên cơ sở giới. Nội dung này bao gồm cả việc tiếp tục tăng cường và nhân rộng các chương trình thí điểm đã triển khai.

✓ **Hỗ trợ nghiên cứu, thu thập dữ liệu và hợp tác để giải quyết bạo lực trên cơ sở giới**

Hai Điều tra năm 2010 và năm 2019 đưa ra nhiều dữ liệu phong phú có thể tiếp tục được tìm hiểu thêm phục vụ cho nghiên cứu thứ cấp sau này. Vì thế, nên thiết lập một nhóm công tác để xây dựng các quy trình thủ tục và đảm bảo áp dụng phù hợp. Thành viên của nhóm công tác này nên bao gồm Tổng cục

Thống kê, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các nhóm hỗ trợ phụ nữ và các bên liên quan.

Cần tiếp tục thực hiện các dự án và hoạt động nghiên cứu để cung cấp số liệu thống kê liên quan và kiến thức về những quan niệm giới cũng như các yếu tố dẫn đến bạo lực trên cơ sở giới trong các nhóm dân cư đa số và thiểu số và giữa các nhóm bị thiệt thòi mà chưa được đưa vào Điều tra này. Vẫn còn có những bất cập lớn trong hiểu biết và bằng chứng về bạo lực trên cơ sở giới ở Việt Nam như:

- Khả năng tiếp cận nhà tạm lánh và mạng lưới hỗ trợ phụ nữ bị bạo lực;
- Những khó khăn cản trở điều tra vụ việc bạo lực trên cơ sở giới và các biện pháp ứng phó xuyên suốt hệ thống y tế;
- Hiệu quả của các chiến dịch truyền thông và vận động chính sách, đặc biệt về thay đổi hành vi;
- Liệu các quy định trong Luật Hòa giải năm 2013 có phù hợp hay chưa;
- Ai có thể tiếp cận trợ giúp pháp lý trong trường hợp bị bạo lực trên cơ sở giới;
- Biện pháp phối hợp với công an để nắm được các can thiệp hiện có của công an, nhằm cải thiện các biện pháp ứng phó;
- Xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia để phân loại và đối chiếu các vụ việc bạo lực trên cơ sở giới của các

đơn vị cung cấp dịch vụ, gồm hệ thống y tế, các nhà cung cấp dịch vụ và hệ thống pháp lý.

Cần chú trọng tiếp tục theo dõi mức độ phổ biến của bạo lực đối với phụ nữ bằng việc định kỳ tiến hành điều tra quốc gia, chu kỳ từ 7 đến 10 năm. Chính phủ nên xem xét đưa hoạt động điều tra này vào kế hoạch điều tra quốc gia và phân bổ đủ ngân sách cho hoạt động này.

✓ Một số điều cần cân nhắc trong chính sách và thực hành

Với tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực hiện thời về thể xác và/hoặc tình dục do chồng gây ra cao hơn đối với phụ nữ trẻ, phụ nữ khuyết tật và phụ nữ thuộc các nhóm dân tộc thiểu số, các dịch vụ ứng phó và quy trình chuyên môn cần phải được xây dựng và có cân nhắc hàng loạt các yếu tố rủi ro, nguy cơ đan xen nhau thường xảy ra đối với những phụ nữ bị bạo lực.

Một loạt các biện pháp ứng phó và phòng ngừa cần được xây dựng. Một biện pháp chung sẽ không phù hợp với tất cả các nhóm phụ nữ trẻ, phụ nữ cao tuổi, phụ nữ khuyết tật và phụ nữ dân tộc thiểu số. Tham vấn và gắn kết với các cộng đồng này là cần thiết để có thể xây dựng các chương trình thành công.

Chi tiết nội dung khuyến nghị được nêu rõ trong báo cáo đầy đủ và báo cáo tóm tắt.

Tổng cục Thống kê

Website: <http://www.gso.gov.vn>
Email: xahoimoitruong@gso.gov.vn
Điện thoại: 024.7304 6666

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Website: <http://www.molisa.gov.vn>
Điện thoại: 024.3825 3875

Quý Dân số Liên hợp quốc

Website: <http://vietnam.unfpa.org>
<http://www.facebook.com/unfpa.vietnam/>
Điện thoại: 024.3850 0100



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

